

**Số: 67/CV-VASEP**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2021*

*V/v báo cáo tình hình SX XK thủy sản 5  
tháng đầu năm 2021 & đề xuất-kiến nghị*

**Kính gửi: Bộ Công Thương**

Phúc công văn số 3112/BCT-XNK ngày 2/6/2021 của Quý Bộ về báo cáo tình hình sản xuất, XK ngành hàng, Hiệp hội Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) đã tổng hợp “*Báo cáo Đánh giá tình hình sản xuất, xuất khẩu thủy sản 5 tháng đầu năm 2021 – một số vướng mắc, bất cập trong SX-XK thủy sản và kiến nghị*” và xin gửi Báo cáo nói trên tới Quý Bộ (chi tiết xin xem Phụ lục đính kèm).

Kính đề nghị Quý Bộ tổng hợp, tham mưu, báo cáo tới Chính phủ và các Bộ Ngành, cơ quan Quản lý Nhà nước có liên quan để sớm xem xét, giải quyết các vướng mắc, bất cập mà DN đang gặp phải nhằm dỡ bỏ các gánh nặng về chi phí (thời gian, tiền bạc) cũng như ách tắc trong thủ tục hành chính cho cộng đồng DN, hỗ trợ DN vượt qua khủng hoảng kinh tế trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các DN XK thủy sản của Việt Nam và vị thế của thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ  
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Quốc Khánh;
- Cục XNK (Bộ CT);
- Tổng cục Hải Quan;
- VPĐD HH;
- Lưu VPHH.

**TỔNG THỦ KÝ HIỆP HỘI**



**Trương Đình Hòa**

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU THỦY SẢN 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(kèm theo Công văn số 67/CV-VASEP ngày 10/6/2021 của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam)

-----o0o-----

### I. NHẬN ĐỊNH CHUNG

Sau khi giảm nhẹ 2 tháng đầu năm, XK thủy sản bắt đầu hồi phục rõ rệt từ tháng 3 do nhu cầu của các thị trường tăng mạnh. Mức tăng trưởng mạnh 17-24% trong 3 tháng qua đã góp phần đưa kim ngạch XK thủy sản 5 tháng đầu năm **tăng 14% đạt 3,27 tỷ USD**.

#### 1. Sản phẩm: Xuất khẩu các mặt hàng chính tiếp tục tăng

- **XK tôm** tăng 23-25% trong 2 tháng qua đạt 300-375 triệu USD. Tính đến hết tháng 5, XK tôm của Việt Nam đạt **1,34 tỷ USD, tăng 14%**.

- **XK cá tra** cũng đang hồi phục cao hơn dự kiến với mức tăng 26% đạt 134 triệu USD trong tháng 5, sau khi tăng 25,8 triệu USD đạt 145 triệu USD trong tháng 4. Kim ngạch XK cá tra 5 tháng đầu năm đạt **623 triệu USD, tăng 12%**.

- Tính đến cuối tháng 5/2021, XK các mặt hàng **hải sản đạt 1,3 tỷ USD, tăng 14,5%** so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, XK cá nù chiếm 22% với 292 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2020.. XK các loại cá biển khác chiếm 53% XK hải sản với 698 triệu

Sản phẩm thủy sản XK 5 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)						
Sản phẩm	Tháng 4/2021	% tăng, giảm	Tháng 5/2021	% tăng, giảm	T1-T5/2021	% tăng, giảm
Tôm	300,803	23,2	375,293	25	1.337,268	14,0
Cá tra	145,190	25,8	134,304	26	623,715	12,2
Cá nù	74,396	49,5	67,095	50	292,596	21,4
Mực, bạch tuộc	48,373	13,9	48,139	15	212,420	10,8
NTHMV	11,767	81,5	12,657	65	48,893	45,5
NT khác	915	9,1	1,517	0	5,275	61,0
Cua ghe	11,307	1,0	11,091	5	54,375	-1,2
Cá biển khác	156,665	8,7	139,681	11	697,998	12,4
<b>Tổng</b>	<b>749,417</b>	<b>22,0</b>	<b>789,777</b>	<b>24</b>	<b>3.272,541</b>	<b>14</b>

USD trong 5 tháng đầu năm, tăng 12%. XK mực, bạch tuộc tăng 11% đạt 212 triệu USD cũng hồi phục khả quan từ tháng 3 đến nay. XK nhuyễn thể hai mảnh vỏ cũng tăng mạnh

81% trong tháng 5 góp phần đưa kết quả 5 tháng đầu năm lên gần 49 triệu USD, tăng 45% so với cùng kỳ năm ngoái.

## 2. Thị trường: Mỹ, EU và các thị trường CPTPP chi phối tăng trưởng XK

- Nguồn cung nguyên liệu thủy sản để chế biến xuất khẩu hiện nay khá ổn định, nhất là với các mặt hàng tôm, cá tra. Nguồn nguyên liệu hải sản khó khăn hơn vì Covid ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu hải sản. Do vậy, yếu tố chính quyết định diễn biến XK thủy sản của Việt Nam trong giai đoạn hiện tại chính là thị trường.

### 2.1. Thị trường Mỹ

- Việc triển khai nhanh và rộng rãi chiến dịch tiêm phòng Covid cùng với gói kích thích kinh tế kịp thời của Chính phủ Mỹ đã mang lại động lực để nhu cầu tiêu thụ thủy sản của nước này hồi phục “thần tốc” không chỉ ở phân khúc bán lẻ mà cả các kênh dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, giải trí...Sau một thời gian bị “kìm nén” do hạn chế, giãn cách chống Covid, nhu cầu tiêu thụ của người Mỹ “bùng nổ” không chỉ với những mặt hàng như tôm, cá ngừ, cá hồi vốn là sở thích và thói quen tiêu dùng của họ, mà sẽ tăng mạnh với cả các loài thủy sản khác như cá tra, mực, bạch tuộc, cua gẹ và nhuyễn thể hai mảnh vỏ như ngao, vẹm...

Đặc biệt, **mặt hàng tôm luôn nằm trong top đầu tiêu thụ thủy hải sản của Mỹ**, chắc chắn sẽ được người tiêu dùng lựa chọn đầu tiên khi nước Mỹ mở cửa hoàn toàn 50 bang từ 20/5/2021. **Mỹ đang chiếm 21% XK tôm của Việt Nam** nên sự hồi phục của thị trường này là đòn bẩy cho XK tôm bật lên mạnh mẽ hơn trong năm 2021. Ước XK tôm sang Mỹ 5 tháng đầu năm đạt 270 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái.

Việt Nam đang có cơ hội lớn để tăng thị phần tại thị trường Mỹ khi Ấn Độ bị ảnh hưởng Covid nặng nề và Trung Quốc bị giảm XK do chiến tranh thương mại Mỹ- Trung và do chính quy định kiểm soát Covid của nước này. Tuy nhiên việc 2 nước “cạnh tranh” khác là Ecuador và Indonesia đang gia tăng XK tôm sang Mỹ, cùng với khả năng Ấn Độ có thể hồi phục trong vài tháng tới là những yếu tố mà các doanh nghiệp tôm cần tính toán trong chiến lược XK sang thị trường Mỹ vì đây là thị trường lớn và mục tiêu của cả những nước này, khi mà thị trường Trung Quốc đang “gây khó dễ” với tôm Ecuador và Ấn Độ với việc siết chặt kiểm tra virus corona.

- Sau tôm là **cá ngừ sẽ có cơ hội tăng mạnh XK** sang thị trường Mỹ, nhất là cá ngừ hộp vì đây cũng là món hải sản yêu thích của người Mỹ. Mỹ cũng đang dẫn đầu các thị trường NK cá ngừ của Việt Nam, chiếm 42% tổng XK. Tính đến hết tháng 5, XK cá ngừ sang Mỹ đạt 130 triệu USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm ngoái.

- **XK cá tra** sang Mỹ cũng đang trên đà phục hồi và bứt phá, với mức tăng 136% trong tháng 4 và tăng khoảng 200% trong tháng 5 đạt 33 triệu USD, đưa kết quả 5 tháng đầu năm 2021 lên 135 triệu USD, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2020.

### 2.2. Thị trường EU

- Cùng với Mỹ, thị trường EU cũng đang là điểm đến kỳ vọng của các doanh nghiệp XK thủy sản Việt Nam. Mặc dù sự hồi phục kinh tế của khối thị trường này chậm hơn so với Mỹ, nhưng nhu cầu tiêu thụ đang hồi phục rõ rệt khi dịch Covid đang được khống chế dần

dẫn tại EU. Các nhà NK châu Âu có xu hướng quan tâm hơn đến các nhà cung cấp thủy sản Việt Nam với lợi thế thuế quan từ hiệp định EVFTA và nguồn nguyên liệu ổn định. XK thủy sản Việt Nam sang EU tháng 5 tiếp tục tăng 30% đạt gần 95 triệu USD, sau khi tăng mạnh 36% trong tháng 4 với 97 triệu USD.

- Luỹ kế XK 5 tháng đầu năm sang EU đạt trên **380 triệu USD, tăng 15%** so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, tôm vẫn chiếm tỷ trọng chi phối 50% với gần **199 triệu USD, tăng 22%** so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi XK tôm và các mặt hàng hải sản sang EU đều có chiều hướng tích cực, thì XK cá tra sang EU chưa có dấu hiệu hồi phục, tiếp tục sụt giảm trên 25% so với cùng kỳ năm ngoái.

### 2.3. Các thị trường CPTPP

XK sang các thị trường có FTA với Việt Nam trong 2 năm qua tiếp tục tăng mạnh, trong đó XK sang Australia tăng 65% trong 5 tháng đầu năm nay, sang Canada tăng 12%, sang Anh tăng 17%. Những thị trường này đều chiếm tỷ trọng 3,3-4% kim ngạch XK thủy sản của Việt Nam, sẽ là những thị trường có vai trò đáng kể thúc đẩy tăng trưởng XK thủy sản của Việt Nam năm 2021 và những năm tới.

<b>XK thủy sản sang các thị trường, T1-5/2021 (triệu USD)</b>				
<b>Thị trường</b>	<b>Tháng 5/2021</b>	<b>So với cùng kỳ 2020 (%)</b>	<b>T1-T5/2021</b>	<b>So với cùng kỳ 2020 (%)</b>
<b>CPTPP</b>	<b>201,500</b>	<b>12</b>	<b>900,208</b>	<b>7</b>
Nhật Bản	115,098	7.1	543,159	0,2
Australia	27,485	130	110,930	65,0
Canada	19,687	15	99,752	12,1
Malaysia	13,500	50	50,074	9,0
<b>Mỹ</b>	<b>178,788</b>	<b>65</b>	<b>661,569</b>	<b>22</b>
<b>TQ và HK</b>	<b>127,719</b>	<b>-9</b>	<b>422,437</b>	<b>-2</b>
Hồng Kông	17,840	30	57,741	13
<b>EU</b>	<b>94,879</b>	<b>30</b>	<b>380,412</b>	<b>15</b>
Hà Lan	19,077	6	78,133	2
Đức	20,142	30	72,846	17
Italy	16,383	150	55,948	96
Bỉ	10,298	18	46,274	3
<b>Hàn Quốc</b>	<b>68,942</b>	<b>7</b>	<b>296,241</b>	<b>5</b>
<b>Anh</b>	<b>38,284</b>	<b>32</b>	<b>126,579</b>	<b>17</b>
<b>Thái Lan</b>	<b>22,645</b>	<b>30</b>	<b>110,055</b>	<b>18</b>
<b>Nga</b>	<b>7,933</b>	<b>20</b>	<b>62,805</b>	<b>41</b>
<b>Đài Loan</b>	<b>13,656</b>	<b>70</b>	<b>51,301</b>	<b>30</b>
<b>Philippines</b>	<b>5,052</b>	<b>80</b>	<b>29,115</b>	<b>2</b>
<b>Các TT khác</b>	<b>63,219</b>	<b>40</b>	<b>264,659</b>	<b>9</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>789,777</b>	<b>24</b>	<b>3.272,540</b>	<b>14</b>

## II. ĐẠI DỊCH COVID: Cơ hội – Thách thức với XK thủy sản

### I) Tác động Covid giai đoạn đầu (nửa đầu năm 2020):

Chuỗi cung ứng đứt gãy; Nhu cầu sụt giảm và thay đổi

1. Tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh

- Các đơn hàng đã ký bị hoãn/hủy (20-40%)
- Đơn hàng mới ít
- Thanh toán: khó/chậm → DN thiếu vốn, không có vốn quay vòng đầu tư
- Tồn kho tang mạnh

2. Nguyên liệu giảm/thiếu do giãn cách, nhất là hải sản khai thác (NK cũng giảm)

3. Logistic:

- Vận tải hàng hóa: bị trì hoãn/chậm/hủy/thay đổi hành trình → ảnh hưởng thời gian vận chuyển và phát sinh chi phí.
- Thiếu container; Chi phí vận tải tăng đột biến
- Thiếu kho lạnh khi tồn kho tăng

4. Chi phí đầu vào tăng

5. Thiếu lao động do giãn cách, công suất SX giảm mạnh

6. Thiếu vốn

7. Xu hướng tiêu thụ trên thị trường thay đổi: giảm phân khúc sản phẩm HORECA và dịch vụ; tăng bán lẻ (siêu thị)

8. Việc NK và thông quan hàng hóa ở các nước bị ngưng trệ + lệnh phong tỏa ở một số nước - làm các cảng biển bị ùn ứ gây thiếu container lạnh lưu chuyển.

- Chứng từ gốc (H/C, C/O,...) kèm lô hàng XK bị chậm hơn các lô hàng (cả cho chiều NK và chiều XK) ảnh hưởng đến thời gian thông quan.

## **II) Cơ hội**

- Việt Nam đã & đang kiểm soát dịch bệnh Covid tốt, khiến cho điều kiện SX và nguồn cung ứng ổn định hơn so với các nước cạnh tranh khác
- Uy tín về sản phẩm XK được các nước NK đánh giá cao
- Niềm tin của các nhà đầu tư và khách hàng với sản phẩm và nhà XK Việt Nam cao;
- Xu hướng tiêu thụ thay đổi tạo dư địa cho các sản phẩm tôm chân trắng, cá hộp, hàng khô, hàng bảo quản
- Xu thế bán hàng trực tuyến và tiêu dùng tại nhà tăng lên
- Nhu cầu ứng dụng công nghệ (nhất là công nghệ số) gia tăng đáng kể.

## **III) Covid tiếp tục chi phối xuất khẩu đầu năm 2021**

- Thiếu container trầm trọng từ bắt đầu T1/2020;
- Cước vận chuyển hàng đông lạnh đi EU, Mỹ và nhiều thị trường khác tăng vọt

- Trung Quốc siết chặt kiểm tra virus corona đối với hàng đông lạnh NK, gây tắc nghẽn tại các cảng
- Tắc nghẽn kênh đào Suez khiến cho vận chuyển đình trệ, các hãng tàu lấy cơ tiếp tục tăng phí nữa
- Nhu cầu của các thị trường vẫn tập trung vào các sản phẩm đóng hộp, hàng khô, surimi, hàng bảo quản, chế biến, giá phải chăng phù hợp cho tiêu thụ kênh bán lẻ
- Nhu cầu với các sản phẩm thủy sản tươi/sống tiếp tục giảm.
- Nhu cầu của các thị trường lớn đang phục hồi

#### IV. DỰ BÁO

- Các thị trường NK lớn như Mỹ, Nhật Bản, tiếp tục tăng NK. XK sang Trung Quốc có thể chững lại do quy định kiểm dịch hàng thủy sản đông lạnh NK. Covid có xu hướng được kiểm soát tốt hơn, nhờ triển khai tiêm vắc xin rộng rãi
- Các nước khu vực Châu Á và một số nước SX thủy sản như Ấn Độ, Thái Lan vẫn phải đối phó với Covid nghiêm trọng → thêm cơ hội cho VN đẩy mạnh SX-XK giành thị phần.
- Tuy nhiên, XK sẽ vẫn bị tác động bởi cước vận chuyển và các chi phí đầu vào tăng ngoài khả năng kiểm soát.

<b>Dự báo XK thủy sản Việt Nam năm 2021, theo sản phẩm</b> (GT: triệu USD; tăng trưởng: %)		
<b>Sản phẩm</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tăng trưởng (%)</b>
<b>Tôm</b>	4.039,039	8,2
<b>Cá tra</b>	1.514,014	1,4
<b>Cá ngừ</b>	655,917	1,1
<b>Mực, BT</b>	560,566	0,0
<b>NTHMV</b>	112,838	7,5
<b>Cua ghe</b>	203,209	11,9
<b>Cá biển khác</b>	1.710,231	1,9
<b>TỔNG XK</b>	<b>8.803,265</b>	<b>4,7</b>

PHỤ LỤC 2  
**MỘT SỐ VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP TRONG SX-XK THỦY SẢN,  
ĐỀ XUẤT- KIẾN NGHỊ**

(kèm theo Công văn số .... /CV-VASEP ngày 10/6/2021 của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam)

-----o0o-----

**I. PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, NĂNG LỰC CẠNH TRANH & THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Bất cập, vướng mắc trong QCVN 11-MT:2015 về nước thải CBTS và Dự thảo QCVN nước thải công nghiệp 2021**

**Vấn đề vướng mắc:** Từ 2016, Hiệp hội và các DN đã phản ánh nhiều lần về vướng mắc tại quy định chỉ tiêu Phospho, Nito và Amoni trong QCVN QCVN 11-MT:2015. Hiện nay, Tổng cục Môi trường đang lấy ý kiến các bên cho dự thảo QCVN mới về nước thải công nghiệp với nhiều bất cập hơn, cụ thể như sau:

- a. *Quy định ngưỡng tối đa chỉ tiêu Phospho trong nước thải chế biến thủy sản sau xử lý quá nghiêm ngặt so với đặc thù ngành:* dự thảo QCVN mới đưa nước thải chế biến thủy sản **vào chung** QCVN nước thải công nghiệp và các chỉ tiêu đang ngặt nghèo hơn QCVN 11-MT:2015/BTNMT rất nhiều, trong khi ngay cả ngưỡng chỉ tiêu phospho trong nước thải CBTS tại QCVN 11-MT:2015 cũng đã khá nghiêm ngặt khiến rất nhiều nhà máy, với đặc thù ngành nghề CBTS hiện nay khó có thể đáp ứng được quy định.
- b. *Áp dụng QCVN về nước thải công nghiệp cho các ao nuôi thủy sản thâm canh:* Các chỉ tiêu tại dự thảo QCVN mới rất khắt khe và rất khó để các ao nuôi tôm-cá đạt được, đồng thời cũng không phù hợp với điều kiện thực tế của các trại nuôi

***Kiến nghị:***

- Không gộp nước thải chế biến thủy sản vào Dự thảo QCVN nước thải công nghiệp chung nhiều ngành nghề khác nhau, tiếp tục thực hiện QCVN riêng cho chế biến thủy sản.
- Chỉ nên so sánh-tham khảo các chỉ tiêu về môi trường trong QCVN với những quốc gia có điều kiện phát triển kinh tế tương đồng (Thái Lan, Indonesia,...); không nên lấy tham khảo các chỉ tiêu từ các nước phát triển và không tập trung vào sản xuất hàng hoá lớn như Việt Nam.
- Nâng ngưỡng cho phép của chỉ tiêu **phospho** lên mức **40ppm** (cột B) và **30ppm** (cột A) để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà máy chế biến thủy sản Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế các nước trong khu vực; sau khi hết lộ trình áp dụng 10 năm (đến 2031) như đề xuất dưới đây thì đưa ngưỡng phospho về mức **20ppm**; **Giữ nguyên** ngưỡng kiểm soát của Amoni và Ni-tơ như trong QCVN 11-MT:2015
- Áp dụng ***lộ trình thực hiện 10 năm*** cho QCVN mới theo thông lệ quốc tế để có thời gian cho phép DN chuyển đổi công nghệ, đầu tư và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của DN.

- Đưa trại-ao nuôi thủy sản vào *phạm vi điều chỉnh của Dự thảo QCVN 62:2021/BTNMT* (nước thải chăn nuôi), và thuộc Cột B của cơ sở phải đăng ký môi trường.

## 2. Quy định mức thu kinh phí công đoàn 2% quỹ lương

**Vấn đề bất cập:** Mức thu kinh phí công đoàn 2% quỹ tiền lương hiện tại quá cao và chưa hợp lý.

**Kiến nghị:** Chính phủ đề xuất với Quốc hội sửa đổi một nội dung trong Luật Công đoàn về quy định giảm tỷ lệ trích nộp kinh phí công đoàn xuống còn tối đa 1% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

## 3. Thu phí sử dụng hạ tầng, dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cảng biển tại Tp. Hồ Chí Minh:

**Vấn đề:** Sáng 9/12/2020, tại kỳ họp thứ 23, HĐND TP. Hồ Chí Minh khóa IX đã thông qua nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ban hành mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, cảng biển trên địa bàn thành phố áp dụng đối với các lô hàng XNK, tạm nhập tái xuất, gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, chuyển khẩu tại tất cả cảng biển ở TP. Hồ Chí Minh với mức phí khá cao, tạo ra nhiều bất hợp lý:

- Phí chồng phí đối với mục tiêu xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng
- Gia tăng thêm gánh nặng về thủ tục hành chính và tăng thời gian thực hiện thủ tục hành chính, ách tắc trong thực hiện
- Đóng phí hai lần đối với các lô hàng phải NK nguyên liệu

**Kiến nghị:** Chính phủ có ý kiến với HĐND và UBND Tp. Hồ Chí Minh để xem xét:

- Không thu các loại phí nói trên trong giai đoạn nền kinh tế đang gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19, ít nhất là cho đến hết 31/12/2021.
- Điều chỉnh các mức thu nói trên giảm xuống theo hướng không coi đây là nguồn đóng góp ngân sách chính cho Tp. Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh cần công khai, minh bạch cụ thể các khoản thu, chi - không sử dụng ngân sách thu từ các khoản này vào các hoạt động, các công trình không phục vụ hoạt động vận chuyển, XNK tại các cảng biển của các DN.

## 4. Khó khăn, ách tắc do thiếu container và cước vận tải biển quốc tế leo thang

**Vấn đề:**

Các DN xuất nhập khẩu đang gặp phải khó khăn rất lớn do việc tăng giá cước tàu biển và tình trạng thiếu container cho XNK do hầu hết các hãng tàu vận tải biển từ tháng 11/2020 đến nay đã thông báo tăng giá cước từ 2-10 lần (tùy chặng, tùy hãng) trong khi DN vẫn rất khó hoặc không thể đặt được container/chặng tàu cho nhiều chặng quan trọng, gây ra tình trạng khó khăn đột ngột, ùn ứ và chi phí đội lên rất cao cho ngành XK thủy sản của Việt Nam nói riêng và các ngành có XK nói chung.

### a. Giá thuê cont và phụ phí tăng cao:



Các phí thuê cont. từ Việt Nam từ cuối tháng 11/2020 trở đi đã tăng cao đột biến (cho cả cont. hàng khô và hàng lạnh). Ở một số cảng, giá thuê tháng 5/2021 đã tăng gấp đôi so với giá mấy tháng trước và gần gấp 6 lần so với giá đầu năm 2020.

Ngay cả cước phí vận tải biển đi từ các nước khác cũng đang tăng cao kỷ lục. Bên cạnh đó, vào cuối tháng 10/2020, nhiều hãng tàu đã đồng loạt gửi thông báo đến các khách hàng yêu cầu tăng phụ phí (phụ phí Rate Retoration, Phụ phí mùa cao điểm (Peak Season Surcharge),...)

### ***b. Tình trạng thiếu cont. cho XNK hàng hóa***

Mặc dù giá thuê cao như vậy nhưng DN vẫn rất khó đặt được cont., do tình trạng được báo là thiếu cont. tại các cảng, các tuyến. Trong tháng 12/2020, DN muốn thuê cont. cũng phải đặt trước 1 tháng mà nhiều trường hợp vẫn không thuê được cont. Ngay cả khi DN đã đăng ký được cont đóng hàng đưa ra cảng để lên tàu XK rồi nhưng vì thiếu hụt lượng cont dẫn đến các hãng tàu liên tục delay, hoãn chuyến, có nhiều tàu phải delay 4-5 lần (tương đương khoảng 10-15 ngày)/chuyến. Thậm chí các DN đã có được booking cont (đăng ký container) rồi nhưng do cước phí thuê cont. tăng lên hàng ngày nên các hãng tàu sẵn sàng hủy booking của DN đó để chuyển cho DN khác nếu DN kia trả cước cao hơn. Tình hình cảng trở nên trầm trọng hơn sau vụ tắc nghẽn kênh đào Suez hồi cuối tháng 3/2021 và tình trạng tắc nghẽn tại các cảng biển.

Với các yếu tố trên đã đẩy chi phí logistics tăng cao, tác động không nhỏ đến khả năng cạnh tranh của DN trên thị trường thế giới. Rất nhiều đơn hàng của các DN đã bị hủy, chậm giao hàng, chậm thanh toán và, không ký tiếp được đơn hàng mới dẫn đến rất nhiều khó khăn. Do dịch bệnh Covid 19, các DN đã rất khó khăn mới ký được các đơn hàng nhưng ngay cả khi có đơn hàng, với việc cước phí thuê cont. tăng quá cao và DN rất khó khăn trong việc thuê được cont. hàng để xuất nhập hàng hóa, các DN cũng đang đứng trước tình trạng thua lỗ trầm trọng và đình đốn sản xuất do giá thành sản xuất tăng cao và không xuất khẩu được hàng hóa

***Kiến nghị:*** Thủ tướng Chính phủ xem xét và có các chỉ đạo giải quyết tháo gỡ vấn đề thiếu container đi các tuyến và giảm giá cước vận chuyển tàu biển trở lại như trước tháng 11/2020.

## **5. Vương mắc trong việc đưa các sản phẩm thủy sản làm thực phẩm cho người vào danh mục có tên “kiểm dịch thú y”:**

***Vấn đề vương mắc:*** Việc kiểm tra nhập khẩu sản phẩm thủy sản (đông lạnh, hàng khô, đồ hộp, nấu chín, ăn liền,...) dùng làm thực phẩm cho người vẫn đang tiếp tục có tên KIỂM DỊCH nhập khẩu trong 1 số thông tư của Bộ NNPTNT (thay vì bản chất đây là kiểm tra ATTP nhập khẩu), là chưa phù hợp.

Việc duy trì sản phẩm thủy sản nhập khẩu dùng làm thực phẩm phải thực hiện kiểm tra với tên gọi “**kiểm dịch**” tại các Thông tư 26/2016, 36/2018/TT-BNNPTNT và Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 15/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 (mã số HS đối với danh mục hàng hoá thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ NNPTNT) là không đúng bản chất khoa học của sự việc và dẫn đến hệ lụy là sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm không

được thực hiện kiểm tra đúng theo các phương thức quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật ATTP.

***Kiến nghị:***

Hiệp hội VASEP kiến nghị Bộ NNPTNT không đưa hoạt động kiểm tra nhập khẩu các sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm cho người (*đông lạnh, hàng khô, đồ hộp, nấu chín, ăn liền,...*) vào danh mục có tên là **KIỂM DỊCH** - trừ các sản phẩm **sống, tươi sống, ướp lạnh**.

Việc nhập khẩu các sản phẩm kể trên để dùng làm thực phẩm đã và đang được Cục Thú y kiểm tra nhập khẩu theo các **chỉ tiêu ATTP** là phù hợp với thông lệ quốc tế và cơ sở khoa học - cần được trả lại đúng tên, đúng khái niệm, đúng quy định trong các Thông tư liên quan của Bộ NNPTNT – đó là **kiểm tra nhà nước về ATTP**, không phải là kiểm dịch như đã được “mang tên” trong thông tư **36/2018/TT-BNNPTNT, 26/2016/TT-BNNPTNT** và **18/2018/TT-BNNPTNT**.

Và khi đó, việc kiểm tra ATTP phải thực hiện theo đúng Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật ATTP 2010.

**6. Một số bất cập trong thực thi IUU và xác nhận S/C, chứng nhận C/C hải sản khai thác để XK sang EU; và các bất cập liên quan đến quy định tại TT 13/2020/TT-BNNPTNT về hồ sơ truy xuất nguồn gốc để cấp giấy H/C XK sang các thị trường ngoài EU có yêu cầu H/C; và một số khó khăn vướng mắc**

***Kiến nghị:***

(1) Về dài hạn:

- Chính phủ, Bộ NN và PTNT tiếp tục tăng cường chỉ đạo và tăng nguồn lực để tập trung tháo gỡ thẻ vàng sớm nhất có thể.
- Bộ NN và PTNT và UBND các địa phương quan tâm thúc đẩy việc đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng cảng cá để nâng cấp và tăng số lượng cảng cá được chỉ định xác nhận hải sản sản khai thác.

(2) Về trước mắt:

Kiến nghị Bộ NN và PTNT và các đơn vị của Bộ (Tổng cục Thủy sản, Cục Nafiqad, Cục Thú y) có các chỉ đạo và hướng dẫn ngay trong tháng 6/2021 để giải quyết các bất cập và vướng mắc đang diễn ra trong những tháng đầu năm 2021 để khơi thông xuất khẩu hải sản đi các thị trường như Hiệp hội VASEP đã báo cáo và trao đổi với các đơn vị của Bộ NNPTNT trong tháng 5 và đầu tháng 6/2021.

## **II. TÀI CHÍNH, THUẾ, TÍN DỤNG:**

### **1. Bất cập trong thực thi phạt chậm nộp thuế GTGT đối với lô hàng XK bị trả về** ***Vấn đề:***

Khi XK hàng hóa, các DN sẽ kê khai và được Cơ quan Thuế giải quyết hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu. Tuy nhiên, trong trường hợp một thời gian sau, vì lý do nào đó mà khách hàng trả lại hàng, DN phải làm thủ tục tái nhập lại hàng. Khi đó,

bên cạnh việc phải kê khai và nộp lại tiền thuế GTGT đã được hoàn trước đây, DN còn phải nộp thêm tiền phạt chậm nộp tính từ lúc DN được hoàn thuế GTGT lúc XK lô hàng.

Việc DN phải nộp lại khoản thuế GTGT đã được hoàn trước đây là đúng nhưng việc DN bị phạt tiền chậm nộp tính từ lúc XK lô hàng là bất công đối với DN vì khi XK hàng hóa, DN không thể biết trước được việc lô hàng đó bị trả lại và bị trả lại vào thời điểm nào. DN đã thiệt hại do bị trả lại hàng, lại còn phải chịu chi phí phạt chậm nộp tính từ khi XK. Nhiều lô hàng XK vài tháng sau thậm chí cả năm sau mới bị trả lại, do vậy khoản tiền phạt nộp chậm mà DN phải chi trả là rất lớn, khiến gánh nặng chi phí của DN càng cao, nhất là trong bối cảnh các DN đang gặp nhiều khó khăn về sản xuất, kinh doanh do Covid-19.

Hiệp hội đã có công văn 19/CV-VASEP ngày 9/3/2021 gửi Bộ Tài chính đề nghị giải quyết bất cập này. Ngày 19/4/2021, Tổng cục Thuế đã có công văn **1176/TCT-KK** trả lời công văn 19/CV-VASEP của Hiệp hội nhưng trong công văn chỉ nêu lại các văn bản quy định có liên quan để khẳng định DN vẫn phải nộp khoản tiền phạt chậm nộp nói trên chứ chưa có bất cứ giải pháp hay động thái nào để giải quyết bất cập này cho DN.

### ***Kiến nghị:***

Bộ Tài chính xem xét tháo gỡ không hồi tố thời gian chậm nộp thuế GTGT khi tái nhập hàng xuất khẩu đã được hoàn thuế GTGT bị trả về.

## **2. Cơ chế chính sách cụ thể cho đầu tư hệ thống kho lạnh trữ hàng**

### ***Vấn đề:***

Hiện tại trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19, chúng ta đang thiếu kho lạnh trầm trọng khiến các DN không thể thu mua được hơn nguồn nguyên liệu tôm cá mà bà con nông-ngư dân sản xuất ra, cũng như khó có thể tạo ra được nguồn hàng lớn chủ động khi thế giới có nhu cầu lớn trở lại.

Trong chuỗi thực phẩm thủy sản mà Việt Nam là một nguồn cung lớn, ngay cả trong điều kiện bình thường thì hệ thống kho lạnh đã vô cùng quan trọng. Trong bối cảnh khó khăn ách tắc như đại dịch Covid19 hiện nay, thì kho lạnh trữ hàng càng cần thiết hơn bao giờ hết. Kho lạnh không chỉ là điều kiện cần để có thể hỗ trợ tối đa cho việc thu mua hết nguyên liệu cho người dân, mà còn là mắt xích chính để giúp DN chủ động trong các giao dịch ký hợp đồng với quốc tế. Tuy nhiên, một hạn chế cho việc phát triển các kho lạnh trữ thủy sản là chi phí đầu tư khá lớn nên công suất kho lạnh tại Việt Nam đến nay vẫn còn chưa theo kịp được nhu cầu của ngành.

***Kiến nghị:*** Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước có chính sách:

- Hỗ trợ lãi suất 0% trong 2 năm đầu và giảm lãi suất 50% trong 4 năm tiếp theo đối với các khoản cho vay dài hạn để đầu tư xây dựng kho lạnh tồn trữ với các kho lạnh có công suất tối thiểu là 5.000 pallet trở lên;
- Hỗ trợ giảm 50% thuế TNDN cho 2 năm đầu khi các kho lạnh kể trên đi vào vận hành

----- oOo -----